

THÔNG TIN CHUNG

Tên công ty: HÒA PHÁT

Mã cổ phiếu: HPG

Sàn giao dịch: HOSE

Ngành nghề: Nguyên vật liệu - Tài nguyên Cơ bản - Kim loại - Thép và sản phẩm thép

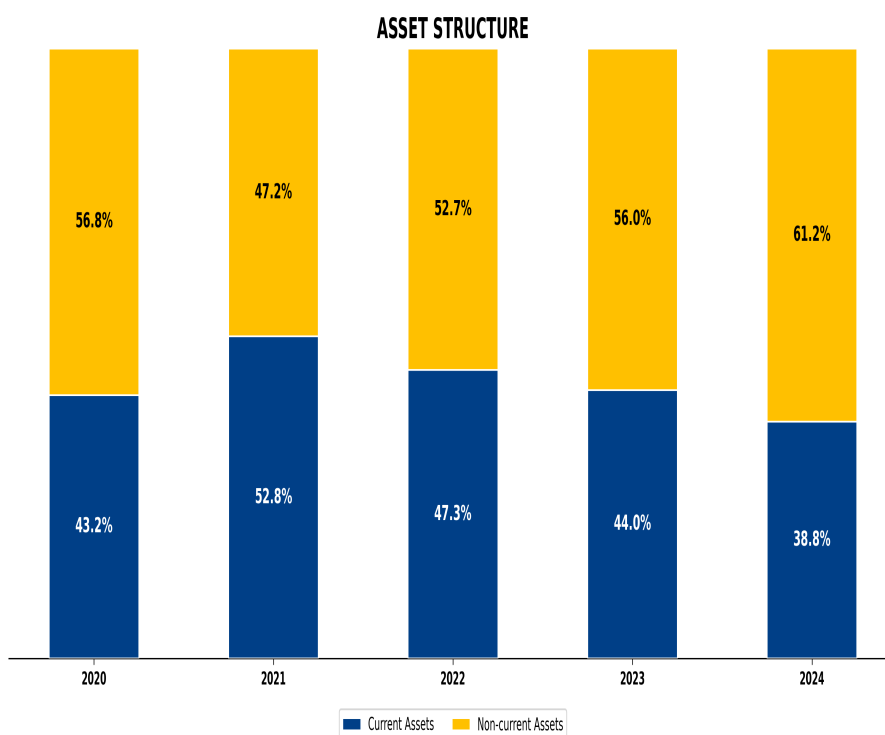
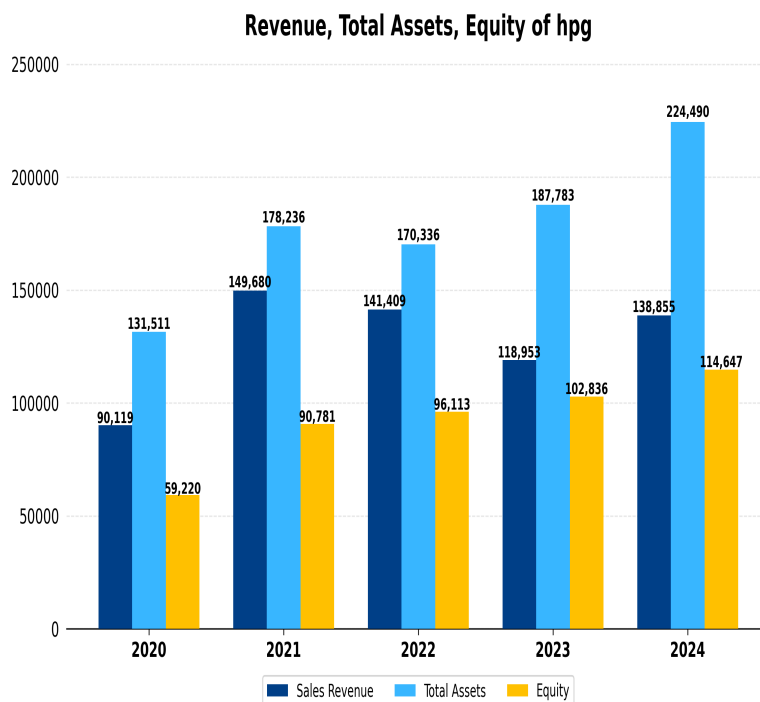
BALANCE SHEET	2020	2021	2022	2023	2024
Total Current Assets	56,747.26	94,154.86	80,514.71	82,716.44	87,078.57
Property/Plant/Equipment	65,561.66	69,280.84	70,832.92	71,998.37	67,428.37
Total Assets	131,511.43	178,236.42	170,335.52	187,782.59	224,489.70
Total Current Liabilities	51,975.22	73,459.32	62,385.39	71,513.49	75,503.44
Total Long-Term Debt	20,316.43	13,996.48	11,837.19	13,432.67	34,338.81
Total Liabilities	72,291.65	87,455.80	74,222.58	84,946.17	109,842.25

FUNDAMENTAL	2020	2021	2022	2023	2024
EBITDA	13,506.16	34,520.95	8,444.43	6,800.39	12,020.02

INCOME STATEMENT	2020	2021	2022	2023	2024
Revenue	90,118.50	149,679.79	141,409.27	118,953.03	138,855.11
Total Operating Expense	67,286.25	102,719.77	114,953.32	98,862.31	114,053.62
Net Income Before Taxes	15,356.97	37,056.78	9,922.94	7,792.73	13,693.50
Net Income After Taxes	13,506.16	34,520.95	8,444.43	6,800.39	12,020.02
Net Income Before Extraordinary Items	13,570.83	34,569.29	8,573.34	6,942.35	12,446.52

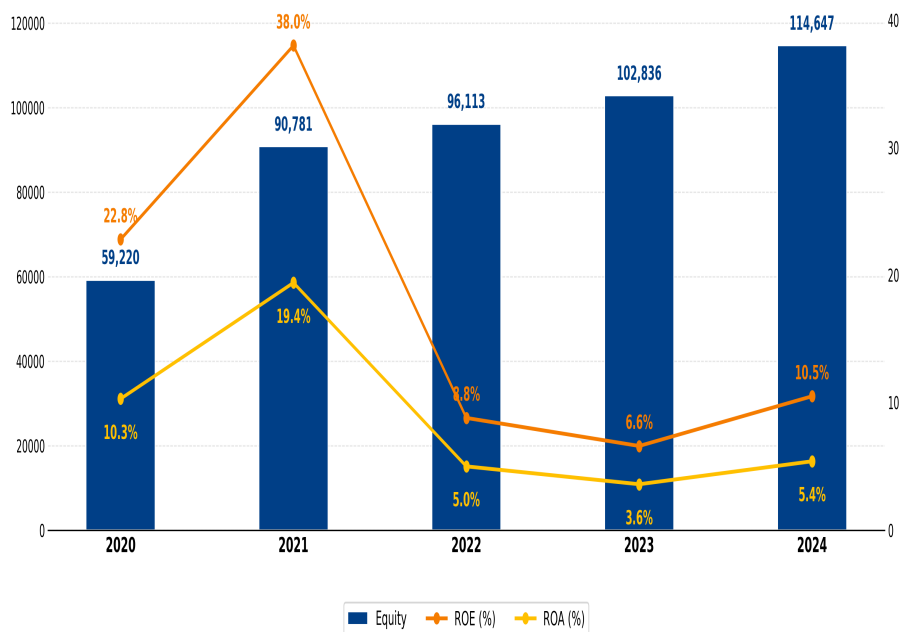
PROFITABILITY ANALYSIS	2020	2021	2022	2023	2024
ROE, %	22.81	38.03	8.79	6.61	10.48
ROA, %	10.27	19.37	4.96	3.62	5.35
Income After Tax Margin, %	0.15	0.23	0.06	0.06	0.09
Revenue/Total Assets, %	68.53	83.98	83.02	63.35	61.85
Long Term Debt/Equity, %	34.31	15.42	12.32	13.06	29.95
Total Debt/Equity, %	122.07	96.34	77.22	82.60	95.81
ROS, %	14.99	23.06	5.97	5.72	8.66

BIỂU ĐỒ.

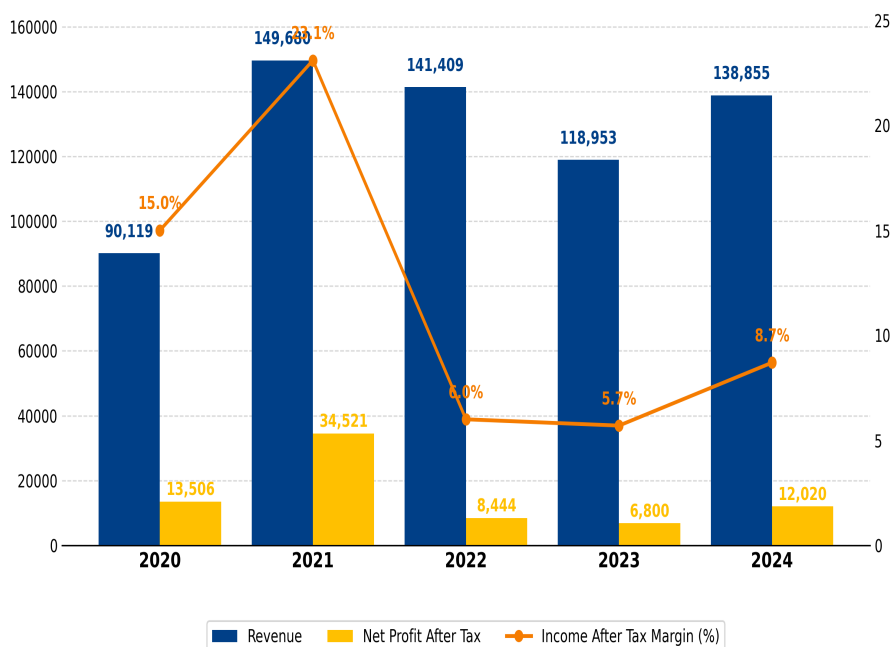


BIỂU ĐỒ

EQUITY, ROE & ROA OF THE GROUP OVER YEARS



INCOME AFTER TAX MARGIN



NHẬN XÉT TÀI CHÍNH TỪ AI

Dưới đây là đánh giá về rủi ro và triển vọng đầu tư của mã cổ phiếu dựa trên các chỉ số tài chính và thông tin bạn cung cấp:

PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH:

Doanh thu của công ty có sự biến động qua các năm, đạt đỉnh vào năm thứ 2 (149,679.79) và sau đó giảm xuống, cho thấy sự thiếu ổn định trong hoạt động kinh doanh. Lợi nhuận ròng cũng biến động tương tự, với ROE và ROA cao nhất vào năm thứ 2 (ROE 38.03%, ROA 19.37%) nhưng giảm mạnh sau đó. Biên lợi nhuận ròng cũng có xu hướng giảm, từ 23% xuống còn 8.66%, cho thấy áp lực lên khả năng sinh lời. Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu (D/E) duy trì ở mức tương đối cao (từ 77.22% đến 122.07%), cho thấy công ty sử dụng đòn bẩy tài chính đáng kể. Nhìn chung, tình hình tài chính của công ty cho thấy sự biến động và áp lực lên khả năng sinh lời.

PHÂN TÍCH RỦI RO:

Rủi ro tài chính của công ty đến từ việc sử dụng đòn bẩy tài chính cao, thể hiện qua tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu (D/E) cao. Điều này có thể gây áp lực lên khả năng trả nợ, đặc biệt trong bối cảnh doanh thu và lợi nhuận biến động. Ngoài ra, sự biến động trong dòng tiền và khả năng thanh khoản cũng là một yếu tố rủi ro cần xem xét.

ĐÁNH GIÁ TRIỂN VỌNG ĐẦU TƯ:

Tiềm năng tăng trưởng lợi nhuận và biên lợi nhuận của công ty có vẻ hạn chế trong bối cảnh hiện tại. Sự biến động trong doanh thu và lợi nhuận, cùng với áp lực lên biên lợi nhuận, cho thấy công ty đang đối mặt với những thách thức trong việc duy trì và cải thiện hiệu quả hoạt động.

KẾT LUẬN:

Dựa trên các chỉ số tài chính và phân tích trên, mã cổ phiếu này có mức độ rủi ro tương đối cao và triển vọng đầu tư không mấy hấp dẫn. Nhà đầu tư nên thận trọng và xem xét kỹ lưỡng trước khi đưa ra quyết định đầu tư.